

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng,
phân chia tài sản chung để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ, TỈNH THANH HÓA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Mai Thị Lý.

Thư ký phiên họp: Bà Hà Thị Yên, Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên họp: Bà Trịnh Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 02/2024/TLST-VDS ngày 12/12/2024 về việc “*Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án*”. Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 05/2025/QĐST-VDS ngày 16/4/2025, Quyết định đình chính quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 05A/2025/QĐĐC-VDS ngày 21/4/2025, Quyết định hoãn phiên họp số 04/2025/QĐHPPH-VDS ngày 29/4/2025 và Quyết định hoãn phiên họp số 05/2025/QĐHPPH-VDS ngày 08/5/2025 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Đinh Văn T - chấp hành viên

Đơn vị công tác: Cục THA Dân sự tỉnh T

Địa chỉ: Số G B, phường Đ, thành phố T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị D, sinh năm 1974

2. Anh Lê Văn B, sinh năm 1968

Cùng nơi cư trú: SN B đường Đ, phường Đ, thành phố T.

Tại phiên họp vắng mặt Chấp hành viên ông Đinh Văn T, chị Lê Thị D, anh Lê Văn B (ông T có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ;

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và văn bản số 2185 ngày 20/12/2024 chấp hành viên Đinh Văn T trình bày:

Chị Lê Thị D đang phải thi hành án tại Bản án số 78/2017/HS-ST ngày 26/12/2017 của TAND tỉnh Thanh Hoá. Tại Quyết định thi hành án số 53 ngày 23/3/2018 và các Quyết định thi hành án số 17; 18; 19; 20; 21 ngày 23/3/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá thì chị Lê Thị D phải thi hành tiền án phí

dân sự 34.160.000đ, bồi thường cho các công dân với tổng số tiền 596.500.000đ và số tiền lãi chậm thi hành án.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Cục Thi hành án tỉnh Thanh Hoá chủ động thụ lý thi hành án khoản tiền án phí, những người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá đã thụ lý và tổ chức thi hành án theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh thi hành án tại [phường Đ, thành phố T](#) thì vợ chồng chị [Lê Thị D](#), anh [Lê Văn B](#) có tài sản sau:

Thửa đất số 836, tờ bản đồ số 4, diện tích 35m² đất. Trên đất có nhà hai tầng ([Tầng A](#) khoảng hơn 20m² và 01 tầng tum). Địa chỉ: [T số nhà B Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa](#). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 844983 do [UBND thành phố T](#) cấp ngày 13/5/2010 mang tên chị [Lê Thị D](#), anh [Lê Văn B](#) (chồng chị [D](#)).

Từ kết quả xác minh cho thấy, phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của chị [Lê Thị D](#) trong khối tài sản chung với anh [Lê Văn B](#) (chồng chị [D](#)) tại thửa đất số 836, tờ bản đồ số 4, diện tích 35m² đất. Trên đất có nhà hai tầng ([Tầng A](#) khoảng hơn 20m² và 01 tầng tum). Địa chỉ: [T số nhà B Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa](#). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 844983 do [UBND thành phố T](#) cấp ngày 13/5/2010 mang tên chị [Lê Thị D](#), anh [Lê Văn B](#) (chồng chị [D](#)) là tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ thi hành án của chị [Lê Thị D](#) tại Quyết định thi hành án số 53 ngày 23/3/2018 và các Quyết định thi hành án số 17; 18; 19; 20; 21 ngày 23/3/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá.

Nay Chấp hành viên phụ trách vụ việc đề nghị Toà án [thành phố T](#) xác định giá trị phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của chị [Lê Thị D](#) trong khối tài sản chung với anh [Lê Văn B](#) (chồng chị [D](#)) tại thửa đất số 836, tờ bản đồ số 4, diện tích 35m² đất. Trên đất có nhà hai tầng ([Tầng A](#) khoảng hơn 20m² và 01 tầng tum). Địa chỉ: [T số nhà B Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa](#). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 844983 do [UBND thành phố T](#) cấp ngày 13/5/2010 mang tên chị [Lê Thị D](#), anh [Lê Văn B](#) (chồng chị [D](#)) để Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá có cơ sở tổ chức việc thi hành án theo quy định của pháp luật đối với số tiền chị [Lê Thị D](#) phải thi hành án.

Tại bản tự khai ngày 21/12/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị [Lê Thị D](#) trình bày:

Vợ chồng chị tên là [Lê Thị D](#), [Lê Văn B](#) có tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 836, tờ bản đồ số 4, diện tích 35m². Địa chỉ thửa đất tại [số nhà B Đ, xã Đ \(nay là phường Đ\), thành phố T, tỉnh Thanh Hóa](#). Trên đất có nhà mái bằng. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 844983 do [UBND thành phố T](#) cấp ngày 13/5/2010 mang tên anh [Lê Văn B](#), chị là [Lê Thị D](#). Nhà đất trên được Nhà nước cấp cho bà [Lê Thị V](#) (bà mẹ liệt sỹ) để thờ cúng liệt sỹ [Lê Ngọc H](#). Trước khi bà [V](#) chết, bà [V](#) có sang tên nhà đất trên cho vợ chồng chị. Hiện nay nhà đất trên gia đình chị đang quản lý, sử dụng.

Hiện nay chị đang mắc bệnh hiểm nghèo (ung thư vú) chị không có công ăn việc làm, ai nhờ gì chị làm việc đấy, chồng chị là [Lê văn B](#) làm bảo vệ tại [công ty](#)

X, lương tháng 3.000.000đ, gia đình chỉ có 4 nhân khẩu, sống phụ thuộc vào lương của anh B. Hiện nay gia đình chỉ vô cùng khó khăn.

Nay chấp hành viên cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá yêu cầu Toà án thành phố T xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng đất của chị trong khối tài sản chung với anh Lê Văn B (chồng chị), chị đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Đối với anh Lê Văn B (chồng chị D) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng dân sự; tuy nhiên anh B không hợp tác, không đến Toà án để làm bản tự khai.*

*Tại Công văn số 171/UBND-ĐCXD ngày 14/4/2025 của Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T thể hiện:

Nguồn gốc đất anh Lê Văn B, chị Lê Thị D đang sử dụng tại thửa đất số 836A, tờ bản đồ số 04, diện tích 35m². Địa chỉ: số B đường Đ, phường Đ, thành phố T là của bà Lê Thị V đã được UBND thành phố T chứng thực số 817/QLĐT/UBTP ngày 16/12/1999 và đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/8/2004, với diện tích 150,0m².

Năm 2008 và năm 2010 anh B, chị D đã chuyển nhượng một phần diện tích là 115m² cho hai hộ. Số diện tích đất còn lại 35,0m² đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2010 mang tên anh Lê Văn B, chị Lê Thị D.

Hiện nay ông Lê Ngọc L là người thờ cúng liệt sỹ theo quyết định số 23403/QĐ-SLĐTBXH ngày 15/6/2021 của Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh T về việc trợ cấp thờ cúng liệt sỹ.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/02/2025 đã xác định tài sản chung của chị Lê Thị D và anh Lê Văn B (chồng chị D) gồm:

-Về đất: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 836, tờ bản đồ số 4, diện tích 35m². Địa chỉ thửa đất tại số nhà B Đ, xã Đ (nay là phường Đ), thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 844983 do UBND thành phố T cấp ngày 13/5/2010 mang tên anh Lê Văn B, chị Lê Thị D. Tư cận cụ thể như sau:

Phía Đông giáp đất nhà ông Lê Công H1 rộng 4,49m

Phía Tây giáp đường Đ rộng 4,49m

Phía Nam giáp ngõ vào nhà ông H1 dài 6,5m

Phía Bắc giáp đất nhà ông Cao Ngọc Đ dài 8,46m

-Tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4, hai tầng, mái bê tông cốt thép kết cấu tường 220 chịu lực, sân bê tông cốt thép, diện tích tầng 1: 35m², tầng 2: 35m².

Tại phiên họp giải quyết việc dân sự: Ông Đinh Văn T có đơn xin giải quyết vắng mặt; tuy nhiên ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Toà án: Xác định quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản của chị Lê Thị D nằm trong khối tài sản chung với anh Lê Văn B (chồng chị D) và phân chia tài sản chung của chị Lê Thị D với anh Lê Văn B để chị D thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.500.000đ, đề nghị buộc chị Lê Thị D phải chịu và trả lại cho chấp hành viên Đinh Văn T số tiền trên do ông T chi trả.

*Tại phiên họp chỉ [Lê Thị D](#), anh [Lê Văn B](#) đã được Toà án tổng đạt các thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật; tuy nhiên chỉ [D](#), anh [B](#) vắng mặt không có lý do.

**Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm mở phiên họp đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người yêu cầu đúng theo quy định của pháp luật; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ [Lê Thị D](#) đã thực hiện không đầy đủ theo quy định của pháp luật, anh [Lê Văn B](#) không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết việc dân sự: Đề nghị chủ tọa phiên họp căn cứ Khoản 9 Điều 27; Điểm a khoản 2 Điều 35; Điểm n khoản 2 Điều 39; Khoản 1 Điều 184; Điều 366 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 213 Bộ luật dân sự. Điều 33; 34; 35; 38; 39 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 74 Luật thi hành án dân sự. Khoản 4 Điều 11 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông [Đinh Văn T](#) - chấp hành viên Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá: Chỉ [Lê Thị D](#) được quyền sở hữu và sử dụng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản tại thửa đất số 836, tờ bản đồ số 4, diện tích 35m². Địa chỉ thửa đất tại [số nhà B Đ, xã Đ \(nay là phường Đ\), thành phố T, tỉnh Thanh Hóa](#). Trên đất có nhà hai tầng (tầng 1 khoảng hơn 20m² và 01 tầng tum). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 844983 do [UBND thành phố T](#) cấp ngày 13/5/2010 mang tên anh [Lê Văn B](#), chỉ [Lê Thị D](#).

-Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của chấp hành viên [Đinh Văn T](#) được chấp nhận nên chỉ [Lê Thị D](#) phải chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản để hoàn trả lại cho chấp hành viên [Đinh Văn T](#) số tiền đã bỏ ra chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản là 2.500.000đồng.

-Về lệ phí: Chấp hành viên [Đinh Văn T](#) không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp. Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa nhận định:

[1]*Về tố tụng:* Người yêu cầu ông [Đinh Văn T](#) là chấp hành viên thuộc Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá. Yêu cầu Toà án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản của chỉ [Lê Thị D](#) trong khối tài sản chung của vợ chồng với anh [Lê Văn B](#) (chồng chỉ [D](#)) là thửa đất số 836, tờ bản đồ số 4, diện tích 35m². Địa chỉ thửa đất tại [số nhà B Đ, xã Đ \(nay là phường Đ\), thành phố T, tỉnh Thanh Hóa](#). Trên đất có nhà hai tầng ([Tầng A](#) khoảng hơn 20m² và 01 tầng tum). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 844983 do [UBND thành phố T](#) cấp ngày 13/5/2010 mang tên anh [Lê Văn B](#), chỉ [Lê Thị D](#) để thi hành Bản án số 78/2017/HS-ST ngày 26/12/2017 của TAND tỉnh Thanh Hoá. Trong đó người có nghĩa vụ thi hành án là chỉ [Lê Thị D](#). Theo Quyết định thi hành án số 53 ngày 23/3/2018 và các Quyết định thi hành án số 17; 18; 19; 20; 21 ngày 23/3/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá thì chỉ [Lê Thị D](#) phải thi hành gồm: Tiền án phí dân sự

34.160.000đ; tiền bồi thường cho các công dân với tổng số tiền 596.500.000đ và tiền lãi chậm thi hành án.

Toà án xác định yêu cầu của ông [Đinh Văn T](#): “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án”, Toà án đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 27; Điểm a khoản 2 Điều 35; Điểm n khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu, chưa có công văn cung cấp tài liệu về nguồn gốc thửa đất số 836, tờ bản đồ số 4, diện tích 35m². Địa chỉ thửa đất tại [số nhà B Đ, xã Đ \(nay là phường Đ\), thành phố T, tỉnh Thanh Hóa](#) có phải là nhà đất thờ cúng liệt sỹ hay không; do đó phải kéo dài thời gian xét đơn yêu cầu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 366 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh [Lê Văn B](#) (chồng chị [D](#)) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng thông qua chị [D](#); tuy nhiên, anh [B](#) không hợp tác, anh [B](#), chị [D](#) vắng mặt không có lý do; do đó Toà án vẫn tiến hành phiên họp theo quy định tại khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[2]Về nội dung:

Tài sản mà ông [T](#) yêu cầu Toà án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của chị [Lê Thị D](#) là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 836, tờ bản đồ số 4, diện tích 35m². Địa chỉ thửa đất tại [số nhà B Đ, xã Đ \(nay là phường Đ\), thành phố T, tỉnh Thanh Hóa](#). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 844983 do [UBND thành phố T](#) cấp ngày 13/5/2010 mang tên anh [Lê Văn B](#), chị [Lê Thị D](#).

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc, lời trình bày của các đương sự, có đủ cơ sở xác định: Nhà và công trình trên đất chị [Lê Thị D](#) đang sử dụng được thẩm định ngày 11/02/2025 thuộc thửa đất số 836, tờ bản đồ số 4, diện tích 35m². Địa chỉ thửa đất tại [số nhà B Đ, xã Đ \(nay là phường Đ\), thành phố T, tỉnh Thanh Hóa](#). là tài sản chung của vợ chồng chị [Lê Thị D](#), anh [Lê Văn B](#) được bà [Lê Thị V](#) (mẹ anh [B](#)) tặng cho trong thời kỳ hôn nhân nên xác định đây là tài sản chung của vợ chồng nên xác định khối tài sản chung của vợ chồng là 50/50% giá trị tài sản chung là phù hợp.

Chị [Lê Thị D](#) là người phải thực hiện nghĩa vụ thi hành án đối với số tiền án phí dân sự, nghĩa vụ thi hành án trả tiền cho các công dân và số tiền lãi chậm thi hành án. Do đó ông [Đinh Văn T](#) – Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá yêu cầu xác định tài sản của chị [Lê Thị D](#) trong khối tài sản chung với anh [Lê Văn B](#) (chồng chị [D](#)) để thực hiện nghĩa vụ thi hành án là có cơ sở ; vì vậy nên chấp nhận.

Xác định chị [Lê Thị D](#) có 50/50% giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trong khối tài sản chung của vợ chồng là nhà và công trình xây dựng trên thửa đất số 836, tờ bản đồ số 4, diện tích 35m². Địa chỉ thửa đất tại [số nhà B Đ, xã Đ \(nay là phường Đ\), thành phố T, tỉnh Thanh Hóa](#). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 844983 do [UBND thành phố T](#) cấp ngày 13/5/2010 mang tên [Lê Văn B](#), chị [Lê Thị D](#).

[3]Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Do yêu cầu của ông Đinh Văn T được chấp nhận nên chị Lê Thị D phải chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản để hoàn trả lại cho ông Đinh Văn T số tiền ông T đã bỏ ra chi phí cho việc xem xét thẩm định, định giá tài sản là 2.500.000đồng là phù hợp.

[3]Về lệ phí: Ông Đinh Văn T đại diện Cơ quan Nhà nước yêu cầu Toà án giải quyết các việc quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật thi hành án dân sự thì không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 Điều 27; Điểm a khoản 2 Điều 35; Điểm n khoản 2 Điều 39; Khoản 1 Điều 184; Điều 366; Điều 369; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 213 của Bộ luật dân sự.

Điều 33; 34; 35; 38; 39 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án dân sự.

Khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14.

1.Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Đinh Văn T – Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá về việc: “*Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án*”.

Công nhận khối tài sản gồm: Nhà và công trình trên đất tại thửa đất số 836, tờ bản đồ số 4, diện tích 35m². Địa chỉ thửa đất tại số nhà B Đ, xã Đ (nay là phường Đ), thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA844983 do UBND thành phố T cấp ngày 13/5/2010 mang tên anh Lê Văn B, chị Lê Thị D là tài sản chung của chị Lê Thị D và anh Lê Văn B (chồng chị D).

Chị Lê Thị D được quyền sở hữu, quyền sử dụng 50/50% giá trị quyền sử dụng thửa đất và tài sản gắn liền với đất trong khối tài sản chung của vợ chồng chị Lê Thị D và anh Lê Văn B (Có sơ đồ thẩm định tài sản kèm theo).

2.Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Chị Lê Thị D phải chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản là 2.500.000đồng để hoàn trả lại cho ông Đinh Văn T số tiền ông T đã bỏ ra chi phí thẩm định, định giá tài sản.

3.Về lệ phí: Ông Đinh Văn T – Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

4. Người yêu cầu ông Đinh Văn T – Chấp hành viên; chị Lê Thị D, anh Lê Văn B người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được thông báo niêm yết; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 10 ngày; Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSNDTP.Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND P.Đ,
TP.T;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ./.

**TM.HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Mai Thị Lý